

Số: 193/2019/QĐST-HNGĐ

TP Thái Nguyên, ngày 19 tháng 4 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án ly hôn thụ lý số 203/2019/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 3 năm 2019 giữa:

Nguyên đơn: Chị Dương Thị Thanh N, sinh năm 1986

Địa chỉ: Xóm D, xã X, thành phố TH, tỉnh Thái Nguyên.

Bị đơn: Anh Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1979

Địa chỉ: Xóm D, xã X, thành phố TH, tỉnh Thái Nguyên.

Căn cứ vào Điều 147, 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 55, 57, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 11 tháng 4 năm 2019.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 11 tháng 4 năm 2019 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Dương Thị Thanh N và anh Nguyễn Văn Đ

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1 Về quan hệ hôn nhân: Chị Dương Thị Thanh N và anh Nguyễn Văn Đ nhất trí thuận tình ly hôn.

2.2. Về con chung: Hai vợ chồng có 01 con chung, tên là con chung, tên Nguyễn Dương Đ, sinh ngày 26/7/2006. Sau khi ly hôn các đương sự thoả thuận, anh Đ trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Dương Đ, sinh ngày 26/7/2006 đến khi

cháu Đ thành niên (đủ 18 tuổi);

Chị N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con: Hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết

2.3. Về tài sản chung, nợ chung: Chị N và anh Đ xác định không có tài sản chung, công nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.4. Về án phí: Chị tự nguyện nộp 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng); hoàn trả chị N 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0007449 ngày 20/3/2019 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Thái Nguyên.

Trường hợp quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án và người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án và người phải thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7 và Điều 9 của Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh TN;
- VKSND tỉnh TN;
- VKSND thành phố TN;
- UBND xã Phúc Xuân TPTN;
- Dương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Lê Quý My